

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2007

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)

STT	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	254.954.981.555	458.553.031.068
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	10.013.959.280	36.447.317.211
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	4.969.895.685
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	71.221.136.691	61.718.241.074
4	Hàng tồn kho	166.778.369.655	344.405.063.322
5	Tài sản ngắn hạn khác	6.941.515.929	11.012.513.776
II	Tài sản dài hạn	138.930.560.087	299.445.168.355
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	646.263.460
2	Tài sản cố định	86.481.582.244	164.613.296.650
	- Tài sản cố định hữu hình	12.715.649.304	17.234.882.023
	- Tài sản cố định vô hình	23.771.083.332	23.903.416.664
	- Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	49.994.849.608	123.474.997.963
3	Bất động sản đầu tư	16.044.175.188	14.927.760.312
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	33.834.417.146	116.797.375.768
5	Tài sản dài hạn khác	2.570.385.509	2.460.472.165
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	393.885.541.642	757.998.199.423
IV	Nợ phải trả	339.135.491.027	642.486.589.323
1	Nợ ngắn hạn	195.560.050.806	328.689.755.284
2	Nợ dài hạn	143.575.440.221	313.796.834.039
V	Vốn chủ sở hữu	54.750.050.615	115.511.610.100
1	Vốn chủ sở hữu	54.913.938.168	111.749.038.454
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20.087.642.681	50.898.800.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	8.776.800.000	36.121.800.000
	- Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
	- Cổ phiếu quỹ	(515.200.000)	-
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
	- Các quỹ	3.555.044.158	7.230.393.193
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	23.009.651.329	17.498.045.261
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	(163.887.553)	3.762.571.646
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	(163.887.553)	3.762.571.646
	- Nguồn kinh phí	-	-
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	393.885.541.642	757.998.199.423

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	111.224.123.212	285.548.702.387
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	5.670.000	35.476.170
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	111.218.453.212	285.513.226.217
4	Giá vốn hàng bán	91.730.786.610	237.288.695.886
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.487.666.602	48.224.530.331
6	Doanh thu hoạt động tài chính	24.360.480.707	10.778.308.790
7	Chi phí tài chính	6.564.220.851	15.277.255.093
8	Chi phí bán hàng	1.890.481.842	3.886.031.667
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.656.076.685	16.781.417.231
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	21.737.367.931	23.058.135.130
11	Thu nhập khác	11.318.700	2.438.262.907
12	Chi phí khác	47.853	1.524.077.925

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP.HCM**

28 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (848) 822 1043; Fax: (848) 822 5241

Website: www.fidecovn.com; Email: fideco@fidecovn.com

13	Lợi nhuận khác	11.270.847	914.184.982
14	Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	2.679.505.684	1.329.144.191
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.428.144.462	25.301.464.303
16	Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.794.023.467	4.761.708.890
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.634.120.995	20.539.755.412
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	98.647	4.251
19	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

V. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1	Cơ cấu tài sản - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	35,27 64,73	39,50 60,50
2	Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	86,10 13,90	84,76 15,24
3	Khả năng thanh toán - Khả năng thanh toán nhanh - Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	0,05 1,16	0,11 1,18
4	Tỷ suất lợi nhuận - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	4,98 17,65 35,86	2,71 7,19 17,78

Ngày 28 tháng 01 năm 2008

Tổng Giám đốc

TS. TRẦN HỮU CHINH